TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lường Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm 3, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lường Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 19/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không được, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2015. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 29/11/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân, cháu H ở với mẹ nên chị đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Đ (thông qua người thân trong gia đình) nhưng anh Đ cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Quan điểm của anh Đ thông qua bà Mai Thị V (mẹ đẻ) là nhất trí ly hôn với chị H, nhất trí cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, về tài sản không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Đ (thông qua người thân trong gia đình) nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lường Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 3/2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được. Bản thân anh Đ (thông qua người thân trong gia đình) đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, mà chỉ có ý kiến thông qua người thân trong gia đình là nhất trí ly hôn với chị H.

Như vậy chứng tỏ anh Đ cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu của chị H, cho ly hôn giữa chị H và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 29/11/2014. Xét thấy hiện nay cháu H còn nhỏ tuổi, đang ở với mẹ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H là giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản: Theo chị H trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lường Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn; anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường Thị H, cho ly hôn giữa chị Lường Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 19/11/2014 cho chị Lường Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu H đủ 18(mười tám) tuổi. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành, nếu người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Lường Thị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí toà án số AA/2016/0002715 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Nam Tiến